

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 04/2017/KDTM-ST

Ngày: 12 / 4 / 2017

*“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn;
2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 / 4 / 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số 21/2016/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2016 về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2017/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2017/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 3 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn U', sinh năm 1969 và bà Lâm Ngọc Th, sinh năm 1968, cùng nơi cư trú: ấp M, thị trấn N, huyện P, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Ngọc Th có ông Trương Văn U', sinh năm 1969, nơi cư trú: ấp M, thị trấn N, huyện P, tỉnh An Giang theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 07 / 10 / 2016.

Bị đơn: Bà Võ Thị Tuyết H, sinh năm 1967, nơi cư trú: ấp M, thị trấn N, huyện P, tỉnh An Giang.

Ông U', bà Th có mặt tại phiên tòa; Bà H đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng ông U', bà Th trình bày:

Vợ chồng ông U, bà Th có thành lập hộ kinh doanh cá thể tên cơ sở là Trường Phát do bà Lâm Ngọc Th đứng tên đại diện gia đình. Từ khi thành lập chỉ có bà Th và ông U cùng tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh, ngoài ra không có thành viên nào khác. Nay hộ kinh doanh đã giải thể không còn hoạt động nữa. Tuy nhiên, từ năm 2008 của hàng vật tư nông nghiệp Trường Phát có bán vật tư nông nghiệp cho bà Võ Thị Tuyết H nhiều lần. Theo đó, kể từ ngày giao hàng đến hết 120 ngày bà H phải thanh toán tiền nhưng mỗi lần đến hạn bà H không thanh toán mà cứ hứa trả nhiều lần. Tính đến ngày 30/4/2014 bà H nợ vợ chồng ông, bà tổng cộng là 127.137.000đ (*Một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn*) đồng và bà H có làm Giấy xác nhận nợ ngày 30 / 4 / 2015;

Nay ông U, bà Th yêu cầu Tòa án buộc bà H phải có trách nhiệm trả 127.137.000đ (*Một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn*) đồng và lãi suất chậm trả theo quy định kể từ ngày 30/4/2015 đến khi kết thúc vụ án;

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình: Ông U, bà Th gửi kèm theo đơn khởi kiện gồm các tài liệu, chứng cứ: giấy chứng minh nhân dân của ông U, bà Th; Bản tự khai của ông U, bà Th; Giấy xác nhận nợ do bà H và bà Th ký; Giấy ủy quyền; Sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể do bà Võ Thị Tuyết H làm chủ cơ sở; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể do bà Lâm Ngọc Th đại diện;

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng cư trú của bà H theo Biên bản xác minh ngày 27/12/2016.

Tòa án nhiều lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Mặc dù, đã được triệu tập họp lệ nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, cũng như không thể cho bà H tiếp cận, công khai chứng cứ tại Tòa án được. Tuy nhiên, Tòa án có thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho bà H nhưng bà H vẫn không có ý kiến.

Ngoài ra, Tòa án còn yêu cầu bà H cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nhưng bà H vẫn không có ý kiến gì gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, ông U, bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm trên số tiền chưa thanh toán và xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền, thời hạn giải quyết của Tòa án,

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm;

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật;

Về nội dung vụ án: qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy việc mua bán giữa bà Thi, bà H là có xảy ra được thể hiện biên nhận nợ ngày 30/5/2015. Giữa các bên đã giao dịch mua bán một thời gian dài, nhưng bà H không thực hiện việc trả tiền mua bán hàng hóa là vi phạm bên mua nên có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Võ Thị Tuyết H; Bà Th, ông U có thành lập hộ kinh doanh cá thể và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 52B8003246 ngày 25/10/2004 tên hộ kinh doanh là Trường Phát do bà Lâm Ngọc Th đứng tên đại diện hộ; Bà H có đứng tên đại diện cho hộ kinh doanh cá thể tên cơ sở là Võ Thị Tuyết H theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 52F8001915, đăng ký lần đầu ngày 13/11/1998, đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 28/5/2004. Xét, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các chủ thể có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: “*Tranh chấp về kinh doanh, thương mại, mua bán hàng hóa*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây gọi chung là BLTTDS). Bị đơn bà Võ Thị Tuyết H có địa chỉ cư trú tại ấp Mỹ Thiện, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ, việc*”. Đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện nên không xem xét.

[1.3] Về chủ thể của quan hệ tranh chấp tham gia tố tụng:

Bà Th, ông U có thành lập hộ kinh doanh cá thể và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 52B8003246 ngày 25/10/2004 tên hộ kinh doanh là Trường Phát do bà Lâm Ngọc Th đứng tên đại diện hộ. Bà Th, ông U trình bày khi thành lập hộ chỉ có bà Lâm Ngọc Th đứng tên hộ khẩu riêng, nhưng việc tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh do ông U, bà Th cùng trực tiếp thực hiện, tài sản kinh doanh là tài sản chung của ông bà. Ngoài ra, không có thành viên nào khác của hộ tại thời điểm kinh doanh. Hiện nay, hộ kinh doanh của bà Th, ông U đã giải thể không còn hoạt động. Vì vậy, ông bà khởi kiện là đúng chủ thể khởi kiện, không có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong hộ.

Bà H có đứng tên đại diện cho hộ kinh doanh cá thể tên cơ sở là Võ Thị Tuyết H theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 52F8001915, đăng ký lần đầu ngày 13/11/1998, đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 28/5/2004. Giấy xác nhận nợ ngày 30/4/2015 bà H nhân danh cửa hàng vật tư nông nghiệp Võ Thị Tuyết H để xác nhận nợ với cửa hàng vật tư nông nghiệp Trường Phát. Theo quy định tại Điều 101 của Bộ luật dân sự 2015 *“Trường hợp hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự thì các thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân là chủ thể tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Khi có sự thay đổi người đại diện thì phải thông báo cho bên tham gia quan hệ dân sự biết; Trường hợp thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự không được các thành viên khác ủy quyền làm người đại diện thì thành viên đó là chủ thể của quan hệ dân sự do mình xác lập, thực hiện”*. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, Tòa án đã yêu cầu bà cung cấp các tài liệu, chứng cứ như giấy ủy quyền hoặc giấy tờ khác thể hiện bà H có quyền đại diện cho hộ kinh doanh Võ Thị Tuyết H tham gia các giao dịch nhân danh hộ kinh doanh nhưng bà không cung cấp cho Tòa án như yêu cầu nên Tòa án không có cơ sở đưa những người trong hộ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đồng thời xem như bà H đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên có đủ cơ sở xác định bà H là chủ thể của quan hệ giao dịch do mình xác lập khi thực hiện giao dịch mua bán với hộ kinh doanh cá thể tên cơ sở là Trường Phát do bà Lâm Ngọc Th đứng tên đại diện hộ kinh doanh cá thể;

Về sự vắng mặt của bà H: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự bất khả kháng. Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông U, bà Th cho rằng bà H có mua, trả tiền vật tư nông nghiệp của hộ kinh doanh Trường Phát nhiều lần từ năm 2008 đến ngày 30/4/2014 còn nợ 127.137.000đ (*Một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn*)đồng. Mỗi lần giao dịch các bên không có thực hiện hợp đồng bằng văn bản riêng mà chỉ ghi sổ và thỏa thuận miệng là “*Trong vòng thời hạn 120 ngày kể từ ngày giao hàng bà H phải trả tiền, địa điểm giao hàng tại ấp Mỹ Thiện, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang*”. Phía bà Th, ông U giao hàng đúng thời gian, địa điểm, đúng số lượng, chất lượng như thỏa thuận nhưng bà H không trả tiền như thỏa thuận. Sau những lần giao dịch mua bán hàng hóa, thì đến ngày 30/4/2015 bà H đã ký giấy xác nhận nợ bà Th số tiền 127.137.000đ (*Một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn*) đồng;

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nguyên đơn có nộp cho Tòa án Giấy xác nhận nợ ngày 30/4/2015 do bà H xác nhận nợ với Cửa hàng vật tư nông nghiệp Trường Phát với số tiền nợ là 127.137.000 (*Một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn*)đồng. Chứng cứ này đã được Tòa án tiến hành công khai cho tiếp cận và Tòa án cũng gửi đến bà H nhưng bà H không có ý kiến là từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, chứng cứ này là hợp pháp nên được chấp nhận để xem xét giải quyết vụ việc;

Giấy xác nhận nợ ngày 30/4/2015, do bà H ký nhận nợ nhân danh Cửa hàng vật tư nông nghiệp Võ Thị Tuyết H, nhưng bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mình được các thành viên của hộ kinh doanh ủy quyền mua hàng hóa với ông U, bà Th nên bà H phải tự chịu trách nhiệm dân sự với tư cách cá nhân theo quy định tại Điều 101 của Bộ luật dân sự 2015.

Xét, Về hình thức hợp đồng theo quy định tại Điều 24 Luật thương mại quy định “*1. Hợp đồng mua bán hàng hoá được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể; 2. Đối với các loại hợp đồng mua bán hàng hoá mà pháp luật quy định phải được lập thành văn bản thì phải tuân theo các quy định đó*”. Hợp đồng mua bán giữa các bên có lập thành văn bản và việc thỏa thuận mua bán hàng hóa giữa ông U, bà Th với bà H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và cũng không trái đạo đức xã hội nên là giao dịch hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại 2005 quy định: *Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận*. Do đó, việc bà Th, ông U khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Tuyết H thanh toán số tiền mua vật tư 127.137.000đ (*Một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn*) đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] *Xét về yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, thấy rằng:* Trong giao dịch mua bán, giữa các bên không có thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên vào ngày 30/4/2015 giữa các bên thống nhất ký xác nhận số tiền nợ 127.137.000đồng. Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định: *Trường hợp bên*

vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác;

Do đó, việc ông U, bà Th yêu cầu tính lãi đối với số tiền bà H chậm thanh toán là có căn cứ; bà Th, ông U yêu cầu tính lãi suất 10%/năm là thấp hơn với lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định mức lãi suất chậm trả nợ như sau: 10%/12 tháng = 0,83%/tháng. Cụ thể, từ ngày 30/4/2015 đến ngày 12/4/2017 là 713 ngày = 127.137.000đ X 0,83% X 713/30 ngày = 25.079.468 đồng;

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà Võ Thị Tuyết H phải có trách nhiệm trả cho ông U, bà Th số tiền mua vật tư nông nghiệp là 127.137.000 (Một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn) đồng và lãi suất chậm trả là 25.079.468 đồng (Hai mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng);

Về án phí sơ thẩm:

Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm;

Bà H phải chịu án phí sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 26, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 24; Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 12/10/2009 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông U, bà Th buộc bà H có trách nhiệm trả cho ông U, bà Th số tiền mua vật tư nông nghiệp là 127.137.000đ (Một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn đồng) và lãi suất chậm trả là 25.079.468 đồng;

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí:

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.610.000(*Bảy triệu sáu trăm mười ngàn*)đồng;

Ông U, bà Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông U, bà Th 3.180.000(*Ba triệu một trăm tám mươi ngàn*)đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2015/0013169 ngày 02/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông U, bà Th có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà H được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS huyện Châu Phú (1);
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Văn Đức